

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 131/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đông Anh, ngày 15 tháng 3 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc xin ly hôn giữa:

**1. Nguyên đơn:** Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

**2. Bị đơn:** Chị **Dương Thị B**, sinh năm 1997

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/3/2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/3/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Phạm Văn T và chị Dương Thị B.

**2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Con chung: Anh T và chị B có một con chung là Phạm Tuấn Anh, sinh ngày 18/8/2016. Hiện nay cháu Tuấn A đang ở với anh T. Khi ly hôn, giao cháu Tuấn A cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị B do anh T không yêu cầu.

Chị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung vợ chồng: Anh T và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh ngày 05/01/2022 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0046129. Trả lại cho anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đông Anh;
  - Các đương sự;
  - TAND TP. Hà Nội;
  - THA dân sự huyện Đông Anh;
  - UBND xã T
- ĐKKH số 69/2016 ngày 08/10/2016;
- Lưu hồ sơ.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Văn Khánh**

